

Bản án số: 53/2020/DS-PT

Ngày: 27 – 5 – 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Rết;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị H.

Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1962. (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Huỳnh Văn K (như trên)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án tại tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Hồng có kinh doanh thức ăn nuôi tôm, trong thời gian kinh doanh vợ chồng ông K, bà S có mua thức ăn nuôi tôm của bà với hình thức chỉ hợp đồng bằng lời nói và ký sổ nợ. Tính từ ngày 26/9/2015 đến ngày 23/02/2017 phía ông Kỳ, bà S có nợ và có trả tiền nhiều lần, đến khi chốt sổ thì ông Kỳ và bà Sương còn nợ bà số tiền 130.000.000 đồng và ông K ký nhận nợ ngày 23/02/2017. Sau khi ký nhận nợ ông Kỳ trả được 15.000.000 đồng, đến ngày 05/07/2019 bà Hồng có mời ông Kỳ đến nhà bà để chốt sổ nợ lần nữa và bà đã trừ số tiền 15.000.000 đồng đã trả, như vậy vợ chồng ông K còn nợ lại bà số tiền 115.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận vợ chồng ông K sẽ trả nợ bà chia ra 4 lần (6 tháng trả 01 lần), mỗi lần trả 28.750.000 đồng (theo giấy thỏa thuận và chốt sổ nợ này do ông K ký nhận ngày 05/6/2019). Sau khi thỏa thuận ngày 05/6/2019 cho đến nay thì ông Kỳ không trả cho bà đồng nào.

Nay Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị S trả số tiền còn nợ cho bà là 115.000.000 đồng và tính lãi 10%/01 năm (0,83%/tháng), thời gian kể từ ngày 23/02/2017 đến khi vụ án xét xử sơ thẩm ( ngày 11/3/2020), cụ thể: Từ ngày 23/02/2017 đến ngày 11/3/2020 là (36 tháng 17 ngày)  $115.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng \times 36 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 34.902.983 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 149.902.883 đồng.

Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn K trình bày như sau: Ông K thống nhất với nguyên đơn là có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với hộ bà Nguyễn Thị H đã hơn 10 năm nay, nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H không còn bán thức ăn nuôi tôm cho vợ chồng ông nữa, sau khi kết sổ thì vợ chồng ông còn nợ lại bà Nguyễn Thị H với số tiền 130.000.000 đồng (có thỏa thuận là tính lãi suất 10%/01 năm, nhưng nếu vợ chồng ông trả được theo thỏa thuận là 06 tháng trả 28.000.000 đồng, thì bên bà Hồng đồng ý bỏ lãi suất), Vợ chồng ông có trả được cho bà Hồng hai đợt là 15.000.000 đồng và gia đình làm ăn khó khăn nên không có khả năng trả nợ, nay còn nợ lại bên bà Hồng với số tiền vốn là 115.000.000 đồng. Nay do hoàn cảnh gia đình làm ăn thua lỗ gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ nên yêu cầu bà Nguyễn Thị H cho ông thêm thời gian để trả nợ, cụ thể là 06 tháng tôi và vợ tôi sẽ trả 15.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H đến khi dứt nợ 115.000.000 đồng. Còn đối với lãi suất nếu bên nguyên đơn đồng ý để cho vợ chồng ông có thời gian trả dần là 06 tháng trả 15.000.000 đồng đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn thì ông đồng ý trả phần lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là 10%/01 năm từ ngày 23/02/2017 đến nay, còn nếu buộc vợ chồng ông trả trong thời gian một lần là dứt nợ thì ông không có khả năng trả lãi cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền của bà S trình bày như sau: Bà S thống nhất lời trình bày của ông K. Bà và ông K có mua bán thức ăn tôm với hộ bà Nguyễn Thị H. Hiện nay vợ chồng bà

còn nợ bà Hồng số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 115.000.000 đồng nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho bà Hồng. Đối với số tiền lãi bà Hồng yêu cầu trả thì bà S không đồng ý do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn.

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chủ hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H.

Buộc có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền 149.902.883 đồng (tiền nợ gốc 115.000.000 đồng; tiền lãi 34.902.883 đồng)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

**Ngày 25/3/2020, ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị S kháng cáo bản án sơ thẩm số 01 nêu trên của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết chia số tiền trả làm 02 hướng như sau:**

**Hướng thứ nhất nêu không tính lãi thì ông, bà trả 115.000.000 đồng chia ra làm 04 lần trả, mỗi lần trả cách nhau 06 tháng, trả đến khi hết nợ.**

**Hướng thứ hai nếu tính lãi tổng số tiền vốn và lãi là 149.902.883 đồng thì ông, bà xin được 06 tháng trả 15.000.000 đồng và trả đến khi dứt nợ.**

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thời hạn nộp đơn kháng cáo: Ngày 11/3/2020, Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử và ban hành bản án số 01 nêu trên, các bị đơn có mặt tại phiên tòa và nghe tuyên án. Ngày 25/3/2020, các bị đơn nộp đơn kháng cáo Bản án số 01 nêu trên là đúng thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo: Các bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo một trong hai phương án như sau: Nếu nguyên đơn không tính lại thì các bị đơn đồng ý trả số tiền vốn 115.000.000 đồng, chia ra làm 04 lần trả, 06 tháng sẽ trả một lần cho đến khi hết nợ; còn nếu nguyên đơn tính lãi thì tổng số tiền vốn lãi là 149.902.883 đồng, các bị đơn xin chia ra trả 06 tháng một lần, mỗi lần trả 15.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ. Thì thấy rằng:

[3] Nguyên đơn và các bị đơn đều đã thống nhất số tiền mà các bị đơn còn nợ tiền mua thức ăn tôm của nguyên đơn là 115.000.000 đồng và số tiền lãi được tính từ ngày 23/02/2017 đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 11/3/2020) là 34.902.883 đồng. Việc nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch mua bán tài sản với nhau, nguyên đơn đã giao đầy đủ hàng hóa, sau khi nhận đủ hàng hóa thì các bị đơn chưa thanh toán đầy đủ số tiền, tức là bị đơn ông K, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua hàng cho nguyên đơn bà Hồng. Theo Khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật này*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông K, bà S trả tiền gốc và lãi suất cho bà Hồng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật. Việc các bị đơn kháng cáo về phương thức trả tiền nhưng nguyên đơn không đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

[4] Từ những phần tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các bị đơn phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị S về việc **chia số tiền nợ làm 02 hướng trả dần**.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được tuyên lại như sau:

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chủ hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H.*

*Buộc ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền 149.902.883 đồng (tiền nợ gốc 115.000.000 đồng; tiền lãi 34.902.883 đồng)*

*2. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

*- Ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.495.144 đồng.*

*- Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.662.463 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001974 ngày 27.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.*

*3. Về nghĩa vụ thi hành án:*

*- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).”*

*2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà các bị đơn đã nộp, theo Biên lai thu số 0002069 và Biên lai thu số 0002068 cùng ngày 03/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Các bị đơn đã nộp tiền án phí phúc thẩm xong.*

*Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Thái Rết**